

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân, nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Liên;

2. bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị X, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị X tự nguyện chung sống từ năm 1999 nhưng đến ngày 11/9/2003 mới kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị X chơi bời, không quan tâm đến gia đình, chồng con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do không thể chung sống được nên anh H và chị X đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, anh H đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị X.

Về con chung: Anh H khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Vũ Hồng N, sinh ngày 11/8/2000 và cháu Vũ Văn D, sinh ngày 29/11/2007, hiện cháu Hồng N đã thành niên nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, hiện tại anh đang làm nghề tự do thu nhập hàng tháng khoảng 07 triệu đồng.

Về tài sản: Anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập chị Lê Thị X đến Toà án để viết bản tự khai nhưng chị X không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do nên không có bản khai của chị X.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị X và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị X không có mặt tại Tòa án mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Chị X cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H và chị X là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Lê Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo anh H, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị X chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Kết quả xác minh ngày 12/8/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, quá trình chung sống giữa chị X và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xung đột. Như vậy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị X luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ

khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh H được ly hôn chị X là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh H khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là **Vũ Hồng N, sinh ngày 11/8/2000 và cháu Vũ Văn D, sinh ngày 29/11/2007**. Anh H cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu N và cháu D, trong đó xác định cháu N và cháu D là con chung của anh H và chị X. Mặt khác, cháu N và cháu D được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu N và cháu D là con chung của anh H và chị X. Hiện cháu N đã thành niên, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét, Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, do đó giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Lê Thị X.

2. Về con chung: Công nhận các cháu **Vũ Hồng N, sinh ngày 11/8/2000 và cháu Vũ Văn D, sinh ngày 29/11/2007** là con chung của anh H và chị X. Giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị X không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh H.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004335 ngày 01/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H và chị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương